TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2021
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu;

2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: ông Trần Hoàng Hưng – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 521/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2021, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số 51 đường H, tổ 3, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ E, sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ 4, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ nơi làm việc: Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Hồ E tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/1987 sinh con Hồ Trương Q và đến tháng 4/1992 sinh con Hồ Trương Quốc T. Sau đó, bà H và ông E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông E có tình cảm với người phụ nữ khác, từ năm 2010 đến nay bà H và ông E sống ly thân, phần ai nấy sống. Nay, bà Trương Thị H xin ly hôn với ông Hồ E.

- Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Hồ E có 2 con chung là Hồ Trương Q, sinh ngày: 11/04/1987; Hồ Trương Quốc T, sinh ngày: 10/04/1992. Hai con chung đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự nên bà H không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về phía bị đơn ông Hồ E: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi công tác của ông E nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa ông Hồ E vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà Trương Thị H và ông Hồ E được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1985 nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân của bà H và ông E xác lập trước ngày 03-01-1987 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H, bà Trương Thị H được ly hôn với ông Hồ E. Về con chung: Bà H và ông E có 02 con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Hồ E có nơi cư trú hiện nay tại tổ 4, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và hiện nay đang công tác tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hồ E đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ E.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1985, bà Trương Thị H và ông Hồ E tự nguyện tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có 02 con chung nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa L: Từ năm 1985 đến tháng 6/1991 UBND xã Nghĩa L không có tên ông Hồ E và bà Trương Thị H trong sổ đăng ký kết hôn (từ tháng 6/1992 phường Chánh L được tách ra từ xã Nghĩa L nay là phường Nghĩa L); xác minh tại UBND phường Chánh L; xác minh tại UBND phường Q (nơi cư trú của bà H và ông E) đều xác nhận bà Trương Thị H và ông Hồ E không có tên trong sổ đăng ký kết hôn. Tòa án làm việc với bà Lê Thị Sâm là mẹ ruột của ông Hồ E, bà Sâm trình bày: Năm 1985, bà Sâm đã tổ chức lễ cưới cho con trai Hồ E và con dâu Trương Thị H; đến năm 1987 vợ chồng ông E và bà H có con chung, đồng thời giấy khai sinh của anh Hồ Trương Q là con chung của bà H và ông E, thể hiện anh Hồ Trương Q, sinh ngày: 11/4/1987 nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Trương Thị H và ông Hồ E chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2020 của Quốc hội hướng dẫn về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03-01-2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì quan hệ hôn nhân của bà Trương Thị H và ông Hồ E được xác lập trước ngày 03-01-1987 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Trương Thị H trình bày trong thời gian chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do ông E có tình cảm với người phụ nữ khác nên từ năm 2010 bà H và ông E sống ly thân đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần để động viên bà H và ông E đoàn tụ nhưng ông E đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, trình bày ý kiến.

Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông E đã lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H, bà Trương Thị H được ly hôn với ông Hồ E.

[3.2] Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Hồ E có 2 con chung là Hồ Trương Q, sinh ngày: 11/04/1987; Hồ Trương Quốc T, sinh ngày: 10/04/1992. Hai con chung đã thành niên và có năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội Hồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí: Bà Trương Thị H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Căn cứ Điều 85, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 3 nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2020 của Quốc hội hướng dẫn về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 03-01-2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H. Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Hồ E.

2. Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Hồ E có 2 con chung là Hồ Trương Q, sinh ngày: 11/04/1987; Hồ Trương Quốc T, sinh ngày: 10/04/1992. Anh Q, anh T đã đủ 18 tuổi và có năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội Hồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Trương Thị H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006423 ngày 11-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- CCTHADS Tp. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Tân **Nguyễn Thị Anh Thư** **Lê Thị Kim Loan**